

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 01 - 2025
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiều

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 13/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 2001; Nơi đăng ký HKTT: Đường Đ, thôn B, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Xóm F, thôn Q, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Bùi Anh T1, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đường Đ, thôn B, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Lê Thanh T thì: Chị T và anh Bùi Anh T1 kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 25 tháng 10 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 ham chơi, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến nhiều lần chị phải bỏ về nhà bố mẹ để ở. Tháng 8 năm 2024, chị đã làm đơn xin ly hôn. Sau đó chị đã rút đơn để mong vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng không được. Vì vậy, chị đã đưa con về nhà bố, mẹ đẻ sống cho đến nay. Từ đó vợ chồng sống ly

thân. Từ khi chị và con sống ở nhà bố, mẹ đẻ của chị anh T1 ngoài việc thỉnh thoảng anh T1 nhắn tin bảo chị về thì cũng không quan tâm, hỏi thăm gì đến con và cũng không gửi tiền để đỡ dần chị nuôi con. Vì vậy, chị không muốn tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân với anh T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là cháu Bùi Nhật D, sinh ngày 12/3/2023. Hiện nay, đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có mong muốn được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con cho chị với số tiền mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình anh T1: Chị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn, anh Bùi Anh T1 đã được Tòa án thông báo cho biết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử anh T1 đều không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến và đề nghị của anh đối với các yêu cầu của chị T. Tòa án đã thông báo cho anh T1 đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã ghi lời khai của bà Đỗ Thị H, mẹ đẻ anh T1, để tìm hiểu tình trạng hôn nhân của chị T, anh T1. Bà H cho biết, từ khi chị T kết hôn với anh T1 thì về chung sống cùng gia đình bà. Trong thời gian chung sống giữa anh T1 và chị T hay xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần chị T bỏ ra ngoài sống nhưng được một thời gian lại quay về. Lần gần đây nhất là khoảng tháng 10/2024, chị T đã bế con bỏ đi, từ đó thì chưa về lần nào. Bà và gia đình cũng nhiều lần hoà giải, khuyên nhủ để vợ chồng anh T1, chị T quay về ở cùng nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Anh T1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Về con chung: Giao cho nguyên đơn nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 1.500.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung: Đang sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Lê Thanh T có đơn xin ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn là anh Bùi Anh T1. Anh T1 có nơi thường trú tại

xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi/nộp văn bản nêu quan điểm nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của chị Lê Thanh T và anh Bùi Anh T1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ vào ngày 25 tháng 10 năm 2022, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2024, chị T có đơn ly hôn tại Tòa án, đến ngày 09/9/2024 đã rút đơn nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị T tiếp tục xin ly hôn. Tòa án đã thông báo cho anh T1 biết và tổ chức các buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 không đến để hòa giải. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T và anh T1 ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là cháu Bùi Nhật D, sinh ngày 12/3/2023. Chị T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn với anh T1.

Xét thấy, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T đang sống cùng bố, mẹ đẻ và có công việc ổn định. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho chị T nuôi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 1.500.000 đồng/ 01 tháng. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không chỉ là trách nhiệm còn là nghĩa vụ của người làm cha mẹ. Mức cấp dưỡng chị T yêu cầu 1.500.000 đồng/ 01 tháng là phù hợp với pháp luật và thực tế cuộc sống tại địa phương, nên buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi con cho chị T 1.500.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 2 năm 2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi một trong các bên có yêu cầu đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức của chị T với gia đình anh T1: Do chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thanh T và anh Bùi Anh T1

2. Về con chung: Chị Lê Thanh T và anh Bùi Anh T1 có một con chung là Bùi Nhật D, sinh ngày 12/3/2023. Giao cho chị Lê Thanh T được quyền nuôi cháu Bùi Nhật D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Nhật D mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Anh Bùi Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010483 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội. Anh Bùi Anh T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thanh T, anh Bùi Anh T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đ
TP. Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện Đ, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đan Phượng,
TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng,
TP. Hà Nội;
- UBND xã Liên Hà, huyện
Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

